

Bản án số: **60/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-8-2019.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Bùi Văn Dũng**

2. Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:

Bà **Hoàng Thị Thanh Tâm** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 212/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2019/QĐ-HPTST ngày 14 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê A**, sinh năm 1990. (*Vắng mặt*)

ĐKTT: 43/2, KP 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: 16/1 tổ 1, KP 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Công nhân.

Dân tộc: Kinh.

- Bị đơn: Anh **Võ B**, sinh năm 1991. (*Vắng mặt*)

ĐKTT: Ấp 3, xã XH, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Dân tộc: Kinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29-3-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê A trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện, chị và anh Võ B tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2013, tại Ủy ban nhân dân xã XH, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Từ năm

2017 đến nay, anh chị không còn chung sống với nhau, chị về sống tại thành phố B, còn anh H sống tại ấp 3, xã XH, huyện X. Nhận thấy không thể duy trì cuộc sống chung của vợ chồng, nên chị yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 người con tên Võ C, sinh ngày 05-9-2010 và Võ D, sinh ngày 15-9-2014, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án anh Võ B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc:

Về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Chị Lê A được ly hôn anh Võ B; Giao 02 người con tên Võ C, sinh ngày 05-9-2010 và Võ D, sinh ngày 15-9-2014 cho chị Lê A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Tạm thời anh Võ B không phải cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Võ B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên áp dụng Khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H. Chị Lê A có đơn xin xét xử vắng mặt, nên áp dụng Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị A.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Giấy chứng nhận kết hôn số 26, Quyển số 01/2013, ngày 05-3-2013, của Ủy ban nhân dân xã XH, huyện X, tỉnh Đồng Nai, cấp cho chị A – anh H đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của chị Lê A và anh Võ B là hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Chị A cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, anh chị không còn sống chung từ năm 2017 đến nay. Quá trình Tòa án làm việc đã triệu tập anh H nhiều lần để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, nhưng anh H không có mặt. Chứng tỏ, anh H không mong muốn vợ chồng cùng khắc phục mâu thuẫn để duy trì cuộc sống chung. Qua xác minh, Trưởng ấp 3, xã XH trình bày, vợ chồng anh H – chị A có xảy ra mâu thuẫn, không còn sống chung với nhau. Chứng tỏ, hôn nhân của chị A và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Do đó, đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung*: Chị A và anh H có 02 người con tên Võ C, sinh ngày 05-9-2010 và Võ D, sinh ngày 15-9-2014, chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay, các con của anh chị đang sống với chị A, chị chăm sóc con đảm bảo và nguyện vọng của các con muốn sống với chị A. Do đó, giao 02 người con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân Gia đình.

Chị A không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[5] *Về tài sản chung*: Chị A không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] *Về nợ chung*: Chị A trình bày không có nên không xét.

[7] *Về án phí*: Chị Lê A phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 1, Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Khoản 1, Điều 39; Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Lê A và anh Võ B.

2. Về con chung: Giao 02 người con tên Võ C, sinh ngày 05-9-2010 và Võ D, sinh ngày 15-9-2014 cho chị Lê A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc khi chị A và anh H có yêu cầu khác.

Tạm thời anh Võ B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H được thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, nhưng không được làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi xét thấy cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc khoản cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

4. Về án phí:

Buộc chị Lê A nộp **300.000** (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí sơ thẩm về ly hôn. **300.000** (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí chị A nộp theo Biên lai thu tiền số: **007290** ngày **29-3-2019**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê A và anh Võ B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận hoặc niêm yết toàn sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- Chi cục T.H.A dân sự H.Xuân Lộc;
- UBND xã XH;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Anh Dũng